

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2022/DS-ST;
Ngày: 05/12/2022;
V/v tranh chấp “Hợp đồng
vay tài sản”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thị Thu Thủy**;

Các Hội thẩm nhA dA:

1/ Ông **Lê Văn Kiệt**;

2/ Bà **Trần Thị Thảo**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Kiều**, thư ký Tòa án nhA dA thành phố Q, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tham gia phiên tòa: Bà **Ngô Thị Cẩm Thuý** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhA dA thành phố Q, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 269/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 232/2022/QĐXX-ST ngày 10/11/2022 các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Thu A** – sinh năm 1987;

HKTT: ấp An Lạc A, xã N, huyện M, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: Số 818 đường số 13 Khu dân cư Long Thành Hưng, ấp Long Thạnh, xã H, huyện M, tỉnh Tiền Giang.

*** Bị đơn:** Anh **Phan T P** – sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số 131 Tổ 11, Ấp K, xã L, thành phố Q, Tiền Giang.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh Phan Văn T – sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 818 đường số 13 Khu dân cư Long Thành Hưng, ấp Long Thạnh, xã H, huyện M, tỉnh Tiền Giang.

(Chị A và anh P có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu A trình bày: Chị là em dâu của anh Phan T P. Ngày 15/8/2018, chị có cho anh P vay 800.000.000 đồng, không có lãi suất, thời hạn vay đến ngày 01/01/2019. Khi vay tiền anh P có viết biên nhận cho chị, mục đích anh P vay tiền để làm vốn kinh doanh. Khi đến hạn trả nợ, chị đã nhiều lần yêu cầu anh P trả lại số tiền vốn

nhưng anh P đưa ra nhiều lý do và xin được trả dần mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng chị không đồng ý. Số tiền chị cho anh P vay là do chị và chồng chị thế chấp nhà đất để vay tiền NgA hàng cho anh P mượn. Nay chị yêu cầu anh Phan T P trả cho chị số tiền vốn vay là 800.000.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn anh Phan T P trình bày: Anh thống nhất với nội dung đơn khởi kiện của chị A. Từ khi vay tiền đến nay, anh không có trả vốn cho chị A. Nay với yêu cầu của chị A, anh đồng ý trả 800.000.000 đồng cho chị A nhưng anh xin trả dần mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Văn T trình bày: Anh là chồng của chị A. Số tiền anh P vay là tài sản chung của vợ chồng anh. Nay với yêu cầu của chị A, anh thống nhất.

* Tại phiên tòa, chị A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuA theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Về nội dung xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có cơ sở nên đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị A yêu cầu anh P trả cho chị A số tiền vay vào năm 2018 mà đến nay bị đơn vẫn chưa trả với số tiền vốn là 800.000.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dA sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Anh P đang cư trú tại Ấp 4, xã Trung An, thành phố Q, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhA dA thành phố Q có thẩm quyền giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dA sự.

[3] Về tố tụng: Anh Phan Văn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt anh T theo quy định.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị A, Toà xét thấy:

Căn cứ vào Biên nhận nợ đề ngày 15/8/2018 do nguyên đơn cung cấp và lời thời nhận của các đương sự có đủ cơ sở xác định ngày 15/8/2018 anh P có vay của chị A 800.000.000 đồng, không có lãi suất, thời hạn vay đến ngày 01/01/2019. Anh P vay tiền của chị A, khi đến hạn không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dA sự năm 2015. Do đó yêu cầu khởi kiện của chị A là có cơ sở nên Toà án chấp nhận.

Về thời hạn trả tiền: Anh P yêu cầu được trả dần, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ. Xét thấy việc anh P yêu cầu trả dần số tiền trên sẽ

ảnh hưởng đến quyền lợi của chị A, đồng thời chị A cũng không đồng ý nên Tòa án không chấp nhận yêu cầu trả dần của anh P.

[5] Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 02/2022/QĐ-BPKCTT ngày 18/10/2022 của Tòa án nhA dA thành phố Q về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

[6] Về án phí do yêu cầu của chị A được chấp nhận nên anh P phải chịu án phí dA sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn tạm ứng án phí cho chị A.

[7] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 147 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu A đối với anh Phan T P.

Buộc anh Phan T P có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Thu A số tiền vốn là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 02/2022/QĐ-BPKCTT ngày 18/10/2022 của Tòa án nhA dA thành phố Q về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

3. Về án phí:

Anh Phan T P phải chịu 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng) án phí dA sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Thu A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0022735 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dA sự thành phố Q.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dA sự năm 2015.

4. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Phan Văn T thời hạn trên tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dA sự thì người được thi hành án dA sự, người phải thi hành án dA sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dA sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dA sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhA dA tỉnh TG;
- VKSND thành phố Q;
- Chi cục THADS thành phố Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn (8b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thị Thu Thủy